

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2- PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 15/7/2026

V/v: “*Tranh chấp hôn nhân gia đình*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 –PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thanh Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Bùi Thị Thu Thủy và ông Đoàn Văn Tiềm

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Phú Thọ

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2- Phú Thọ tham gia phiên tòa:* ông Trịnh Huy Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở TAND khu vực 2 - Phú Thọ, xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 179/2026/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2026 về “tranh chấp hôn nhân gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 03/6/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2026/QĐST-HNGĐ ngày 26/6/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị Bích N, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn C, xã H, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt)

Bị đơn: Anh Đỗ Tiến D, sinh năm 1992

Địa chỉ: Khu A, xã X, tỉnh Phú Thọ. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị Bích N trình bày:

Anh Đỗ Tiến D và chị Đặng Thị Bích N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 24/03/2024 tại Đ1 tại Hàn Quốc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống sinh sống hoà thuận đến năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do không hợp quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Nay chị N xin được ly hôn với anh D.

Về con chung: Anh Đỗ Tiến D và chị Đặng Thị Bích N có 01 con chung là Đỗ Hải Đ, sinh ngày 02/8/2024. Sau khi ly hôn, chị N xin được nuôi con chung, không yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Đỗ Tiến D và chị Đặng Thị Bích N xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Tiến D trình bày:

Anh Đỗ Tiến D và chị Đặng Thị Bích N tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 24/03/2024 tại Đ1 tại Hàn Quốc. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống sinh sống hoà thuận đến năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn, không hợp quan điểm sống dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Nay chị N xin được ly hôn thì anh D nhất trí ly hôn với chị N.

Về con chung: Anh Đỗ Tiến D và chị Đặng Thị Bích N có 01 con chung là Đỗ Hải Đ, sinh ngày 02/8/2024. Sau khi ly hôn, anh D có quan điểm xin được nuôi con chung là cháu Đ, không đề nghị chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Anh Đỗ Tiến D và chị Đặng Thị Bích N xác định vợ chồng không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

* Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng tham gia phiên tòa mà không có lý do là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng.

* Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Công nhận thuận tình ly hôn giữa Đặng Thị Bích N và anh Đỗ Tiến D

Về con chung: Đề nghị HĐXX giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải Đ, sinh ngày 02/8/2024. Anh D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị N do chị N không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung và công sức: hai bên đều xác định không có, không đề nghị Tòa án nên không đề nghị HĐXX xem xét.

Về án phí: Chị N và anh D phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: chị Đặng Thị Bích N khởi kiện xin ly hôn anh Đỗ Tiến D là tranh chấp hôn nhân gia đình. Bị đơn (anh D) có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã X, tỉnh Phú Thọ, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2- Phú Thọ.

[2] Về thủ tục tố tụng: anh D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; Chị N vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt). HĐXX căn cứ khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị N, anh D là phù hợp pháp luật.

[3] Về nội dung:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Đặng Thị Bích N và anh Đỗ Tiến D kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 28/3/2024 Đ1 tại Hàn Quốc là hôn nhân hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị N và anh D đều xác nhận trong thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Qua xác minh tại địa phương cho biết, chị N và anh D sau khi đi lao động về nước có chung sống tại xã X. Hiện nay, chị N không còn chung sống cùng anh D tại địa phương, việc không chung sống cùng nhau từ thời điểm nào địa phương không nắm bắt được thông tin. Chị N và anh D đều thống nhất vợ chồng tự nguyện ly hôn. Như vậy, có thể khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N và anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét căn cứ công nhận thuận tình ly hôn giữa chị N và anh D là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3.2] *Về con chung*: Chị N và anh D có 01 con chung là cháu Đỗ Hải Đ, sinh ngày 02/8/2024. Chị N và anh D đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Xét điều kiện nuôi con chung: chị N và anh D đều có đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên, hiện nay cháu Đ còn nhỏ, dưới 36 tháng tuổi, rất cần sự quan tâm, chăm sóc nuôi dưỡng của người mẹ. Căn cứ Khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân gia đình quy định “*Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm nom, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*”.

Xét căn cứ giao cháu Đỗ Hải Đ cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh D cũng không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung và công sức*: Hai bên đều xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

[4] *Về án phí*: Chị N và anh D phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 55, Điều 58, Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 1, 2 Điều 227, Khoản 1, 3 Điều 228, Khoản 1 Điều 328, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Xử:

Về hôn nhân: công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Đặng Thị Bích N và anh Đỗ Tiến D.

Về con chung: Giao cho chị Đặng Thị Bích N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Đỗ Hải Đ, sinh ngày 02/8/2024 cho đến khi cháu Đ đủ 18 tuổi (thành niên) và có khả năng lao động được. Anh Đỗ Tiến D không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Đặng Thị Bích N có nghĩa vụ phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001556 ngày 05/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả lại cho chị Đặng Thị Bích N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 225.000đ (Hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng chẵn).

Anh Đỗ Tiến D có nghĩa vụ phải chịu 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng chẵn) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị N và anh D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận Bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc

bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7, Điều 8 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Phú Thọ (Phòng giám đốc kiểm tra, thanh tra và THA);
- VKSND khu vực 2 -Phú Thọ;
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ (Phòng THADS khu vực 2- Phú Thọ)
- UBND xã Xuân Lũng;
- UBND xã Hà Trung
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hà Thanh Loan